

# PHONG TRÀO DÂN TỘC Ở INDONESIA VÀ MALAYA TRONG NỬA ĐẦU THẾ KỶ XX - MỘT SỐ SO SÁNH

LÝ TƯỜNG VÂN\*

Trong bài "Vấn đề dân tộc và phương thức hình dung về cộng đồng dân tộc trong những chuyển biến của thế giới", tác giả cho rằng: kết quả của làn sóng thức tỉnh của chủ nghĩa dân tộc lần thứ nhất diễn ra ở Tây Âu và Bắc Mỹ trong thế kỉ XVII, XVIII "là sự hình thành các nhà nước - dân tộc hiện đại (*nation-state*)" và "là thời kỳ ra đời của khái niệm "chủ nghĩa dân tộc" (*nationalism*)" (1). Tiến trình tiếp theo như lại được chỉ ra bởi Clive J. Christie trong *Lịch sử Đông Nam Á hiện đại*: đúng vào lúc ở châu Âu, các quốc gia - dân tộc đang xuất hiện thì bản thân các quốc gia đó lại được củng cố thành các đế chế có tính toàn cầu bằng việc thiết lập ở toàn bộ Đông Nam Á (DNA) các thuộc địa của họ chỉ trong một thời gian ngắn đến ngạc nhiên từ năm 1820 đến 1900 (2). Như vậy, chủ nghĩa dân tộc (CNDT) trước thế kỉ XX gắn với quan niệm về "đế chế" (*empire*) bị giai cấp tư sản lợi dụng đã trở thành công cụ đắc lực để tranh đoạt không gian sinh tồn. Chính trong quá trình ấy, "chủ nghĩa dân tộc" được lan truyền đến châu Á và DNA cùng với sự bành trướng của chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc. Phong trào

dân tộc ở DNA đầu thế kỉ XX bùng nổ dưới tác động của sự phát triển ngày càng cao ý thức hệ tư tưởng dân tộc chủ nghĩa (DTCN) bắt nguồn từ một số chiều kích quan trọng như ở Nhật Bản, Ấn Độ, Trung Quốc cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, hay các tinh thần "quyền dân tộc tự quyết", "tự do", "hòa bình" được đề cập trong Hệ thống Hòa ước Versailles và Chương trình 14 điểm của Tổng thống Mĩ W. Wilson rất thu hút sự quan tâm của nhân dân các nước thuộc địa ở DNA, cuộc Cách mạng tháng 10 Nga thành công đưa đến sự truyền bá hệ tư tưởng Mác-xít-Lê-nin-nít và sự phổ biến chủ nghĩa cộng sản trong khu vực từ thập niên 1920 trở đi... Trong bối cảnh đó, nhân dân DNA đã nhanh chóng thức tỉnh, giương cao ngọn cờ dân tộc, tiến hành các phong trào DTCN chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân, giành độc lập và bình đẳng. Ở từng nước, tùy theo hoàn cảnh cụ thể, các phong trào dân tộc theo đuổi các con đường đi đến độc lập hết sức phong phú.

Hai quốc gia Indonesia và Malaya vốn cùng thuộc về "thế giới Malay" trong khu vực DNA bởi có cùng tổ tiên là người Malay, có ngôn ngữ chung là tiếng Malay

\* ThS. Trường Đại học KHXH&NV - ĐHQGHN

từ thời các vương quốc cổ Malacca và Srivijaya, cùng chia sẻ bản sắc văn hóa Malay và các phong tục tập quán Malay, có đạo Hồi là tôn giáo chung của hầu hết cư dân (đặc biệt ở các vùng buôn bán chủ yếu), có cấu trúc chính trị với nhiều nét tương đồng... Song, do những "kiến tạo độc đoán" của thực dân, "thế giới Malay" bị chia ra thành Malaya thuộc Anh và Indonesia thuộc Hà Lan (3). Mặt khác, do cùng thuộc về "thế giới Hồi giáo" nên cả hai quốc gia Indonesia và Malaya cùng hướng đến một sức mạnh ảnh hưởng mang tính tôn giáo từ bên ngoài là *phong trào cải cách Hồi giáo* đã và đang diễn ra ở Trung Đông từ cuối thế kỉ XIX. Phong trào dọn đường cho công cuộc hiện đại hóa tư tưởng của đạo Hồi, tiếp thu những thành tựu khoa học và tư tưởng mới trong thời kì Phục hưng tại châu Âu, tìm tòi từ trong giáo lý của đạo Hồi những cơ sở thực hiện "chủ quyền nhân dân", "tự do cá nhân"... để trở nên hiện đại hơn. Phong trào này còn mở ra bước ngoặt về tinh thần DTCN trong tôn giáo thể hiện qua khuynh hướng "*Đại Hồi giáo*" và tinh thần *đoàn kết Hồi giáo* (pan-Islamism) toàn thế giới trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, giải phóng dân tộc đang diễn ra sôi nổi ở Iran, Thổ Nhĩ Kỳ, Ai Cập... Trong những năm giữa hai cuộc chiến tranh thế giới, căn cứ trên cơ sở lịch sử chung của vùng quần đảo, tư tưởng "*pan-Malay*" là tư tưởng đoàn kết toàn thể người Malay và tư tưởng "*Indonesia Raya/Malaya Raya*" (Greater Indonesia/Greater Malaya) là tư tưởng hình thành một quốc gia độc lập bao trùm cả hai thực thể Malaya và Indonesia đã được hình thành và thúc đẩy.

Dựa trên cách tiếp cận lịch sử văn hóa-chính trị, bài viết sẽ phân tích quá trình phát triển phong trào dân tộc của mỗi nước trong khoảng thời gian từ đầu thế kỉ XX

đến trước Thế chiến II, đồng thời đặt chúng trong mối liên hệ với nhau bởi rất nhiều điểm kết nối tự nhiên giữa hai khu vực. Bài viết cũng bước đầu nêu ra một vài nhận xét có tính chất so sánh về đặc điểm, tính chất của phong trào dân tộc ở hai quốc gia Indonesia và Malaya.

### 1. Phong trào dân tộc ở Indonesia

Tại thời điểm chuyển giao từ thế kỉ cũ sang thế kỉ mới, những "hạt giống" của chủ nghĩa dân tộc bắt đầu "nảy mầm" trên mảnh đất Indonesia, mà người đầu tiên gieo mầm chủ nghĩa dân tộc, thấp sáng lên ngọn đuốc đấu tranh cho tự do của Indonesia lại là một phụ nữ trẻ người Java - tiểu thư Raden A. Kartini (4), con gái quan Nhiếp chính xứ Japara. Được tiếp thu nền giáo dục phương Tây từ rất sớm và được tiếp xúc với các trào lưu tư tưởng châu Âu thời cận đại, Kartini đã đưa tư tưởng khai sáng đến với người dân Indonesia, đặc biệt là khát vọng về những cơ hội lớn hơn cho phụ nữ Hồi giáo. Tư tưởng của Kartini mở ra một chương mới trong tinh thần dân tộc của người bản địa Indonesia, bắt đầu từ phong trào thúc đẩy sự tiến bộ văn hóa - xã hội Indonesia, tiến tới thành lập một tổ chức chính trị nhưng vẫn lấy văn hóa làm cơ sở hành động: Boedi Oetomo - BO (*Nỗ lực vinh quang*). Các nhà lãnh đạo BO, gồm những trí thức trẻ Java tiếp thu nền giáo dục của Hà Lan, đặt ra nhiệm vụ "tìm kiếm những yếu tố hình thành nên một dân tộc, một quốc gia" - theo nghĩa đó, văn hóa được xem như là một thành tố nền tảng và dựa trên "sự hợp nhất giữa các giá trị châu Âu và các giá trị Java", các trí thức trẻ hy vọng sẽ thúc đẩy nền văn hóa mới của Indonesia (5). *Đây thực chất là con đường xác định nền tảng hiện đại hóa*. Sau sự khởi đầu đó, phong trào dân tộc Indonesia có thêm sự

góp mặt của những người phi bản địa từ năm 1912 với tổ chức *Indies Party* (6). Mặc dù chỉ tồn tại được 1 năm sau ngày thành lập nhưng mức độ ảnh hưởng của Đảng rất quan trọng bởi các mục tiêu: "làm thức dậy chủ nghĩa yêu nước của tất cả mọi người dân Indonesia đối với vùng đất đã nuôi dưỡng họ, hợp tác với người bản địa dựa trên nguyên tắc bình đẳng về chính trị; mang lại cho đất nước Indonesia sự thịnh vượng; và chuẩn bị cho một quốc gia dân tộc độc lập" (7). Dường như, đây là lần đầu tiên mục tiêu *độc lập cho Indonesia* được đặt ra. Điều đáng nói là, mục tiêu đó được đưa ra bởi những người nhập cư lại càng kích thích mạnh mẽ ý thức dân tộc của các trí thức bản địa. Tư tưởng về sự thịnh vượng và nền độc lập cho đất nước Indonesia để lại nhiều âm hưởng trong phong trào DTCN của Indonesia ở giai đoạn sau.

Cũng trong thập kỉ đầu tiên của thế kỉ XX, đạo Hồi ở Indonesia đã xuất hiện với một diện mạo hoàn toàn mới trên tinh thần đoàn kết Hồi giáo (pan-Islamism) đã đóng vai trò là *cơ sở để tập hợp quần chúng đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân*. Tinh thần đoàn kết Hồi giáo đưa đến cho người Indonesia sức mạnh gắn kết xã hội chưa từng có trong lịch sử. Tôn giáo vốn đã được coi là thành tố có sức tập hợp mạnh nhất, đặc biệt khi tôn giáo đó là đạo Hồi thì lại càng trở nên có ý nghĩa hơn nhiều đối với Indonesia bởi vì hầu hết người Indonesia là tín đồ Hồi giáo. Phong trào *Serikat Islam - SI (Hội Liên hiệp Hồi giáo)* được thành lập năm 1911 do đó đã trở thành *phong trào nhân dân rộng lớn đầu tiên và cũng là duy nhất ở Indonesia*. Ngoài những mục tiêu tôn giáo chịu ảnh hưởng của tinh thần cải cách Hồi giáo ở Trung Đông, SI cũng công khai tư tưởng chính trị: "ủng hộ sự thống

nhất chặt chẽ của tất cả mọi người dân Indonesia để tạo thành một dân tộc" đấu tranh "đạt được quyền tự trị hoặc ít nhất là quyền được có tiếng nói trong các vấn đề của đất nước" (8) *Hội đồng Nhân dân (Volksraad)* được thành lập là thành quả của cuộc đấu tranh đó và được xem như là bước đi đầu tiên tiến tới chế độ tự trị. Tuy nhiên, từ năm 1919, SI bắt đầu phải đối phó với nhiều thách thức một mặt do chính sách sách tăng cường đàn áp của chính quyền, mặt khác do bộ phận lãnh đạo của SI có sự chia rẽ. Ba nhóm được hình thành từ sự chia rẽ của SI là: Nhóm của lãnh tụ Tjokroaminoto tập hợp giới quan chức ở các địa phương; nhóm của Haji Agus Salim tiêu biểu cho lực lượng Hồi giáo; và nhóm của các nhà xã hội chủ nghĩa do Hendrik Sneevliet đứng đầu. Mỗi nhóm trong sự cạnh tranh đều khẳng định vai trò chính trị của mình: Trong khi Tjokroaminoto chuyển sang thù địch với chính phủ Hà Lan và phải chịu nhiều tổn thất lớn thì nhóm Hồi giáo lại quay sang thành lập *tổ chức Muhammadiyah* theo đuổi chủ trương cải cách đạo Hồi và lựa chọn "nguyên tắc phi chính trị" một cách có chủ ý (9). Ngay từ những ngày đầu thành lập, Muhammadiyah đã chứng tỏ nó không chỉ là tổ chức của người Java mà là của người Hồi giáo toàn Indonesia. Tinh thần vượt trội đó kết hợp với những nội dung hoạt động mang tính xã hội là nguyên nhân thành công của Muhammadiyah; Nhóm các nhà xã hội chủ nghĩa cũng tuyên bố thành lập Đảng Cộng sản Đông Ấn, sau này được gọi là *Đảng Cộng sản Indonesia (PKI)* vào ngày 23-5-1920. Trong Đại hội thành lập Đảng, PKI tuyên bố "chủ nghĩa cộng sản đối lập với cả chủ nghĩa đại Hồi giáo và sự thống trị của phương Tây" (10). Không chỉ chống Hồi giáo, PKI còn tuyên bố "chống

tất cả mọi thứ tư bản chủ nghĩa". Để thực hiện ngay chuyên chính vô sản, PKI muốn giải quyết tất cả mọi vấn đề bằng một đòn: tiêu diệt phong kiến, giải phóng đất nước khỏi thực dân Hà Lan, đập tan đế quốc, lật đổ chính phủ phân động, thanh toán phú nông, thanh toán tư sản dân tộc (11). Phương châm chính trị cực đoan đó đã đặt PKI ra khỏi khối quân chúng rộng lớn, đầy lực lượng dân tộc đối lập với đảng và chống lại đảng. Khởi nghĩa Sumatra (1926 - 1927) thất bại đã chấm dứt vai trò lãnh đạo của Đảng đối với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở Indonesia. Nhóm Muhammadiyah trong tình hình đó đã sử dụng tôn giáo làm công cụ chống lại chủ nghĩa cộng sản, nhóm này cũng thi hành chính sách bất hợp tác với chính quyền thực dân và là bộ phận chủ yếu của chủ nghĩa dân tộc Indonesia. Tại Đại hội toàn quốc lần thứ 19 của Muhammadiyah được tổ chức ở Minangkabau tháng 5-1930, một đảng chính trị của người bản địa lần đầu tiên xuất hiện ở Tây Sumatra: Persatuan Muslimin Indonesia PERMI. Những người sáng lập và lãnh đạo xuất chúng nhất của PERMI đều là những sinh viên trở về từ Đại học Azhar, Ai Cập. PERMI công khai tuyên bố là một tổ chức chính trị cấp tiến, chủ trương bất hợp tác vì tự do cho Indonesia. Bị sự đàn áp của thực dân Hà Lan, PERMI rất khó khăn trong những hành động chính trị nhưng vẫn tiếp tục tích cực trong các hoạt động văn hóa, giáo dục, tạo đà phát triển quan trọng cho Sumatra và cho người Hồi giáo Indonesia nói chung trên chặng đường dài tiến tới nền độc lập hoàn toàn.

Ý tưởng về *Indonesia thống nhất* được theo đuổi ở đất nước Indonesia từ nửa sau thập niên 1920 trên thực tế khởi phát từ cộng đồng sinh viên Indonesia đang học tập

tại Hà Lan. Giữa hàng triệu người Hà Lan, những sinh viên ít ỏi đến từ Java, Bandung, Batavia hay từ Menangkabau..., đều tự nhìn nhận mình là *người Indonesia*. Đó là lý do khiến họ đi đến quyết định thành lập *Hiệp hội sinh viên Đông Ấn* năm 1908, năm 1922 được đổi tên thành *Hiệp hội sinh viên Indonesia*. Tên gọi đó tự nó đã mang ý nghĩa về một bản sắc chung Indonesia (tuy mới chỉ ở phạm vi hẹp). Đến năm 1925, quyết định tái cấu trúc tổ chức này thành *Hiệp hội người Indonesia* trong khi vẫn tồn tại *Hiệp hội Sinh viên Indonesia* được coi là một tuyên bố dứt khoát về sự hình thành một bản sắc Indonesia thống nhất và quan trọng là các tổ chức này hướng tới mục tiêu *độc lập hoàn toàn* cho đất nước (12). Tháng 10-1928, *Hiệp hội sinh viên Indonesia* đưa ra ý tưởng "*Một quốc gia - Indonesia; Một dân tộc - người Indonesia; Một ngôn ngữ - tiếng Indonesia*" làm cơ sở cho đoàn kết dân tộc và thống nhất dân tộc. Thuật ngữ "*Indonesia*" từ đó bắt đầu được sử dụng rộng rãi tại quê nhà, nhưng cũng phải mất nhiều năm sau đó, hàm ý đầy đủ nhất của từ này cả về chính trị và văn hóa mới thực sự thấm thấu vào dân chúng - trong tư tưởng của mỗi người được tiếp thu nền giáo dục hiện đại đều tự xem mình là *người Indonesia*. Một làn sóng lan rộng trong cộng đồng với việc thành lập hàng trăm tổ chức mới với tên gọi có từ "*Indonesia*"; các tổ chức cũ cũng tiến hành đổi tên để có từ "*Indonesia*" trong tên gọi của mình (13).

Tại Bandung vào năm 1925, các *Câu lạc bộ học tập* - (*Study Clubs*) tương tự như các hiệp hội sinh viên ở Hà Lan đã được lập ra dưới sự dẫn dắt của Achmed Sukarno. Đây là môi trường để giới trí thức trẻ Indonesia là thành viên của rất nhiều nhóm tộc người được gắn bó với nhau hơn. Sukarno và các cộng sự đã đưa ra lý lẽ

thuyết phục về việc cần thiết phải dành sự tập trung cao hơn cho nền độc lập của Indonesia, nhưng muốn dành cho nó một ưu tiên tối đa thì trước hết phải giảm bớt sự khác biệt giữa các tộc người, các tôn giáo và các nền văn hóa. Do đó, khi nhấn mạnh mục tiêu: Indonesia phải giành được độc lập một cách nhanh nhất có thể, ông cũng đặc biệt lưu ý: "Điều này đòi hỏi chúng ta không nên phấn đấu đạt được nền độc lập bằng phương tiện cải thiện điều kiện sống tối tệ của đất nước chúng ta, mà chúng ta phải phấn đấu đạt được nền độc lập để mà cải thiện những điều kiện sống đó" (14). Tháng 7-1927, nhóm trí thức do Sukarno đứng đầu tuyên bố thành lập *Đảng Dân tộc Indonesia* (Partai Nasional Indonesia PNI) do Sukarno làm Chủ tịch Đảng. Đảng này đại diện cho một đường lối chính trị mới, có tính chất vượt qua và bao trùm so với các tổ chức đoàn thể trước đây ở Indonesia: Trước hết, mặc dù là đảng do giai cấp tư sản thành lập nhưng thành viên của đảng gồm nhiều thành phần rộng rãi: nông dân, công nhân, thợ thủ công, đông đảo nhất là tầng lớp trung và tiểu tư sản trí thức; Cơ sở tư tưởng và Cương lĩnh của PNI là *Học thuyết Marhaenism* do Sukarno soạn thảo từ năm 1926. Học thuyết thể hiện xu hướng chống thực dân, khẳng định con đường đi tới độc lập dân tộc là chính sách bất hợp tác với thực dân trong tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, thực hiện đoàn kết tất cả các lực lượng trong một mặt trận chung thống nhất (15). Cuối năm 1927, Sukarno đã mang tư tưởng *đoàn kết* vào trong sáng kiến thành lập tổ chức liên hiệp có ý nghĩa như một mặt trận dân tộc thống nhất để tập hợp các tổ chức đang đấu tranh cho nền độc lập của đất nước: *Liên hiệp các tổ chức chính trị của nhân dân Indonesia*. Có thể thấy cốt lõi trong tư tưởng dân tộc của Sukarno là *đoàn kết toàn dân*

*tộc, chống chủ nghĩa thực dân, tiến tới mục tiêu xây dựng quốc gia-dân tộc thống nhất.*

Thế chiến II bùng nổ đặt các dân tộc trước sự đe dọa trực tiếp của chủ nghĩa phát xít, phong trào dân tộc Indonesia có nhiều chuyển biến trong giai đoạn này. Trước hết là việc *điều chỉnh mối quan hệ giữa chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa Hồi giáo* xuất phát từ thực tế khó khăn cả trong tranh luận quan điểm lẫn trong hành động chính trị thực tiễn. Rất nhiều nhà lãnh đạo Hồi giáo phản đối việc quá nhấn mạnh đến chủ nghĩa dân tộc có thể làm tan vỡ sự thống nhất năng động của đạo Hồi, nguy hại đến các mục tiêu tinh thần của đạo Hồi. Trong khi đó, những người theo chủ nghĩa dân tộc như Sukarno lại cho rằng, nếu quá nhấn mạnh vào các mục tiêu của Hồi giáo và trung thành với đạo Hồi, phong trào có thể sẽ mất đi lực lượng là những người Indonesia ngoại đạo hoặc các tín đồ Hồi giáo mộ đạo không triệt để. Do đó, *tim kiếm sự hài hòa giữa chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa Hồi giáo* thực sự rất cần thiết trong bối cảnh của Indonesia và bài học thất bại của Đảng Cộng sản Indonesia vẫn còn đó. Kết quả là sự xuất hiện dồn dập các tổ chức chính trị lớn biểu thị cho tinh thần thống nhất dân tộc như *Liên đoàn các đảng dân tộc Indonesia* - GAPI (năm 1939) - một tổ chức của hầu hết các đảng thế tục liên minh với các đảng Hồi giáo, *Hội đồng Nhân dân Indonesia* (năm 1941) - một hình thức mới của mặt trận dân tộc thống nhất có sự tham gia của GAPI, *Liên đoàn các tổ chức Hồi giáo Indonesia* - MIAI. Dưới sự lãnh đạo của Sukarno, *Hội đồng nhân dân Indonesia* tiếp tục đấu tranh yêu cầu chính phủ Hà Lan thảo luận vấn đề độc lập của Indonesia.

Đến đây, *khía cạnh chính trị của bản sắc dân tộc thống nhất Indonesia đã được*

*khẳng định*. Cùng với quá trình đó, khía cạnh văn hóa cũng được tái tạo mạnh mẽ. Quá trình xây dựng nền văn hóa dân tộc Indonesia với biểu tượng chính là ngôn ngữ quốc gia được tiến hành xuất phát từ ý tưởng trước đó về “*Một quốc gia Indonesia; Một dân tộc - người Indonesia; Một ngôn ngữ - tiếng Indonesia*”. Tại Đại hội Nhân dân Indonesia tháng 12-1939, Nghị quyết về việc lấy *tiếng Indonesia* (Bahasa Indonesia) làm ngôn ngữ quốc gia đã chính thức được thông qua. Tiếng Indonesia thực chất được khai sinh từ tiếng Malay (Bahasa Malay) nên cũng có thể hiểu, ngôn ngữ Malay sẽ trở thành ngôn ngữ chung của toàn quần đảo. Người ta cho rằng, ở vào thời điểm đó, chính việc tiếng Malay chỉ còn là tiếng mẹ đẻ của một số ít người sống rải rác trên quần đảo lại trở thành một lợi thế chính trị to lớn bởi vì nó không thuộc về ai cả. Theo một nghĩa khác thì cũng có thể cho rằng *tiếng Malay thuộc về tất cả mọi người* vì nó là ngôn ngữ chung từ thời các vương quốc Malacca và Srivijaya, đã từng là ngôn ngữ chung của hoạt động thương mại và hoạt động truyền giáo đạo Hồi trong nhiều thế kỉ trên toàn quần đảo và là ngôn ngữ được các tộc người sau này lựa chọn bởi sự thông dụng và tiện lợi của nó (16).

Như vậy, *việc ấn định được một ngôn ngữ chung cho đất nước Indonesia đa dân tộc, đa văn hóa, đa ngôn ngữ, đa tôn giáo, lại bị phân tán về địa lý là bước đi vô cùng quan trọng trong việc xây dựng một bản sắc văn hóa dân tộc thống nhất - yếu tố đóng vai trò quyết định trong tiến trình tập hợp dân tộc đấu tranh cho nền độc lập hoàn toàn của Indonesia*. Về vấn đề này, Clive Christie cũng chỉ ra rằng trong bối cảnh của Indonesia, *chủ nghĩa dân tộc mới buộc phải đặc biệt nhấn mạnh vào yếu tố đoàn kết hơn bất kỳ điều gì khác*. Đây là điểm

khác biệt căn bản của Indonesia so với một số quốc gia thuộc địa trong khu vực bởi: nếu “các quốc gia tiền thuộc địa Miến Điện và Việt Nam đều đủ mạnh để cung cấp cho các phong trào chống thực dân ở đó một ý thức rõ rệt về bản sắc” thì “ở Đông Ấn, chủ nghĩa dân tộc Indonesia phải được tạo ra ... để xây dựng một bản sắc dân tộc thống nhất trên các đảo thuộc đế chế Hà Lan ở phương Đông” (17). Trong những năm giữa hai cuộc chiến tranh thế giới, chủ nghĩa dân tộc Indonesia đã vận động theo hướng lựa chọn một *bản sắc dân tộc thống nhất* trên các khía cạnh văn hóa và chính trị cho toàn Indonesia. Sự lựa chọn đúng đắn đó đóng vai trò quyết định trong việc đưa Indonesia đi tới độc lập hoàn toàn.

## 2. Phong trào dân tộc ở Malaya

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, trước những can thiệp ngày càng lớn đối với các giá trị xã hội Malaya của thực dân Anh, người dân Malay đã thể hiện tinh thần phản kháng đối với nhà chức trách. Một số cuộc nổi dậy đã khiến thực dân Anh phải lo ngại về tính phổ biến của nó sẽ có thể lan ra toàn bán đảo như cuộc nổi dậy ở Naning hồi đầu những năm 1830, ở Perak trong hai năm 1875 - 1876, ở Pahang trong những năm 1890, hay cuộc nổi dậy của nông dân “To’Janggut” ở Kelantan năm 1915 (18). Nhìn chung, những cuộc nổi dậy như thế cũng đã ít nhiều mang tinh thần dân tộc nhưng mới chỉ dừng lại ở sự phản ứng mang tính “bản năng”, thể hiện thái độ bất mãn trước những thay đổi đang diễn ra và nhằm cải thiện hoàn cảnh sống trước mắt hơn là hướng tới các mục tiêu tái cấu trúc xã hội. Sang đầu thế kỷ XX cho đến trước Thế chiến II, người Anh trong giai đoạn thống trị này đã chứng kiến “sự xuất hiện của chủ nghĩa dân tộc Malaya non trẻ” (19) với sự nổi lên của ba nhóm ưu tú mới trong

xã hội Malaya gắn với ba môi trường văn hóa giáo dục riêng biệt được qui định bởi nguồn gốc xuất thân: Nhóm thứ nhất của những trí thức phần lớn xuất thân từ giai cấp nông dân được đào tạo bởi hệ thống giáo dục Hồi giáo; Nhóm thứ hai của những trí thức thuộc tầng lớp trên trong xã hội Malaya truyền thống được đào tạo bởi nền giáo dục Anh; và Nhóm thứ ba của những trí thức nông dân trưởng thành lên từ nền giáo dục bản địa (20).

Xét về mặt thời gian, phong trào dân tộc của nhóm trí thức Hồi giáo được khởi động sớm nhất trong ba nhóm trên và được khơi nguồn bởi những sinh viên Malay đang học tập tại trường Đại học Azhar. Tại đây, các sinh viên Malay như bị ném vào "chảo dầu Trung Đông" đang sục sôi tinh thần dân tộc chủ nghĩa chống lại sự thống trị của phương Tây và tinh thần cải cách Hồi giáo lan rộng khắp Trung Đông kêu gọi đoàn kết Hồi giáo toàn thế giới trong cuộc đấu tranh này (21). Trong môi trường đó, các sinh viên Malay đã tiếp thu để rồi thông qua báo chí, truyền về Malaya ý thức hệ tư tưởng tôn giáo-chính trị mới và các ý tưởng cải cách xã hội. Cùng lúc đó, các trí thức tôn giáo Malay cũng được kiểm nghiệm trên thực tế bằng các phong trào cải cách tôn giáo đã và đang diễn ra ở Indonesia dưới sự dẫn dắt của *SI* và *Muhammadiyah*. Những trải nghiệm ở Trung Đông giúp họ có được những nhận thức sâu sắc về tình hình thực tiễn của đất nước: Dưới chính sách cai trị của thực dân Anh, cộng đồng Malay Hồi giáo tuy có ưu thế về chính trị song lại là cộng đồng yếu kém nhất về kinh tế. Trong cuộc đối mặt với những ảnh hưởng của phương Tây và đặc tính năng động của người Hoa nhập cư, đạo Hồi đã không tạo nên sức mạnh để giúp người Malay vượt lên, ngược lại xung lực của nó

đang yếu dần và đạo Hồi vẫn chỉ đóng vai trò an ủi về mặt tinh thần, tâm trí của người Malay ngày càng tri triệ cùng với tinh thần hi sinh của đạo Hồi. Từ những phân tích đó, *cải thiện sự tri triệ của cộng đồng Malay là hết sức cần thiết nhưng không phải bắt đầu từ khía cạnh kinh tế mà phải bắt đầu trước hết từ tôn giáo*, bởi chính sự thiếu hiểu biết nghiêm trọng về những nguyên lý chân chính của đạo Hồi cả về giáo lý lẫn thực hành là nguyên nhân khiến cho người Malay dần dần trở nên bảo thủ, lạc hậu.

Phong trào cải cách tôn giáo ở Malaya được bắt đầu bởi *Syed Sheikh Al-Hadi*, một sinh viên Malay xuất sắc vừa trở về từ Ai Cập. Để giúp người Malay quan tâm hơn đến những thay đổi có ảnh hưởng sâu rộng của thời đại, ngay sau khi trở về từ Cairo năm 1904, *Syed Sheikh Al-Hadi* đã thành lập tờ báo *Al-Imam* (Người Dẫn đường) vào năm 1906. Đây là tờ báo bằng tiếng Malay đầu tiên chứa đựng tinh thần đổi mới cơ sở chính trị, tôn giáo của đất nước và đổi mới xã hội Malaya. Cùng nhiều tờ báo tôn giáo khác được thành lập những năm sau đó như *Neracha*, *Warta Malaya* và *Saudara...*, các nhà cải cách tôn giáo đã bày tỏ khát vọng cháy bỏng phải đưa Hồi giáo bản địa đang khô ảnh hưởng của những tục lệ đang cản trở sự phát triển của nó, giành lại những tiến bộ về tư tưởng và khoa học mà nó đã có từ thời kỳ trung cổ, trên cơ sở đó "làm cho đạo Hồi trở thành một công cụ thích nghi được với những thách thức về kinh tế - xã hội do sự thống trị của ngoại kiều" (22). Vì vậy, những tư tưởng mới của đạo Hồi được truyền bá ở Malaya nhấn mạnh sự trở về với Kinh Koran, phải nghiên cứu, xem xét những biến động kinh tế, chính trị, xã hội của thế giới hiện đại trong ánh sáng của chân lý đạo Hồi, và

trên tất cả, nó hồi thúc sự gắn kết năng động của mỗi cá nhân vào tương lai cao hơn của địa vị kinh tế, xã hội của cộng đồng Malay. Để tăng cường sự hiểu biết đúng đắn về đạo Hồi và mở rộng ảnh hưởng của tôn giáo này trong xã hội, các trí thức tôn giáo nhấn mạnh tầm quan trọng đặc biệt của phát triển giáo dục tôn giáo. Mặt khác, cũng trên cơ sở của nhận thức: "... giáo dục rất cần thiết để có được tự do" mà "... tư do là chìa khóa để tiến bộ, không có tự do, chúng ta không thể mong tiến bộ" (23), họ tán thành đầy mạnh giáo dục để đạt được tự do và tiến bộ, các hình thức giáo dục khác kể cả giáo dục theo kiểu Anh cũng không bị phủ nhận cho dù kết quả của nền giáo dục này luôn bị nghi ngờ.

Syed Sheikh Al-Hadi và những người ủng hộ quan điểm cải cách của ông đã tập hợp nhau trong nhóm *Kaum Muda* được gọi là phái Trẻ để phân biệt với phái Già - *Kaum Tua* là nhóm những người theo trường phái Hồi giáo chính thống gồm giới quyền uy truyền thống và những trí thức tôn giáo ở các vùng nông thôn. Trên thực tế, *Kaum Muda* gặp phải rất nhiều trở ngại trong việc truyền bá những tư tưởng tiến bộ bởi vì họ không chỉ phải đối mặt với lực lượng bảo thủ của xã hội Malaya mà còn đụng phải sự phản ứng quyết liệt của giới quyền uy truyền thống (đáng kể nhất là đội ngũ các Sultan) đang được sự bảo trợ của chính quyền Anh, quan trọng hơn là lực lượng đông đảo đảng sau các Sultan - những người Malay mộ đạo - di theo Sultan như đi theo "cái bóng của Thượng đế trên trái đất". Cuộc dọ sức như vậy về cơ bản là không cân sức song nó đã biểu thị cho nỗ lực hiện đại hóa trong xã hội Hồi giáo Malay. Sự thúc đẩy đổi mới nhận thức về đạo Hồi cũng góp phần làm cho người Malay quan tâm hơn đến các vấn đề chính

trị của đất nước. Dù chưa có phong trào nào được tổ chức bài bản dưới sự dẫn đường của nhóm trí thức tôn giáo ngoài hoạt động báo chí được xem là dễ nhận thấy nhất, nhưng qua đó người Malay ngày càng nhận thức nghiêm túc hơn về bản thân và về những gì đang xảy ra xung quanh họ, ý thức về sự đoàn kết, thống nhất trong cộng đồng Malay đang tăng dần lên theo chiều hướng của tinh thần đoàn kết Hồi giáo bắt nguồn từ Ai Cập và Thổ Nhĩ Kỳ.

Đấu ấn rõ nét nhất về sự góp mặt vào phong trào dân tộc của nhóm trí thức thuộc tầng lớp trên trong xã hội Malaya truyền thống và tầng lớp tư sản mới được đào tạo bởi nền giáo dục Anh là sự thành lập tổ chức chính trị đầu tiên của người Malay: *Hiệp hội người Malay ở Singapore* (Kesatuan Malay Singapura - KMS) vào năm 1926. *Sự thành lập KMS là kết quả của sự phát triển ý thức chính trị của người Malay, thể hiện mối quan tâm ngày càng tăng đối với vấn đề chính trị của đất nước.* Từ đầu thập niên 1920, thực trạng xã hội Malaya được các trí thức phân tích một cách triệt để: Malaya từ một xã hội tương đối thuần nhất về sắc tộc với tuyệt đại đa số là người Malay, dưới chính sách nhập khẩu lao động của Anh đã trở thành một xã hội đa cộng đồng với sự góp mặt của người Hoa và người Ấn Độ. Từ chỗ là quốc gia chủ của người Malay thì giờ đây Malaya không thể không tính đến lực lượng người nhập cư, nhất là khi lực lượng này ở những thời điểm đã chiếm non nửa tổng dân số của cả nước (24), đặc biệt là cuộc điều tra dân số năm 1931 cho thấy: "lần đầu tiên ở Malaya thuộc Anh có số người Hoa (1.709.392 người) nhiều hơn người Malay (1.644.173 người)" (25). Nguy hiểm hơn khi chính những cộng đồng nhập cư (chủ yếu là người Hoa) lại đang chiếm chỗ của cư dân bản địa



với một tỷ lệ lớn trong các hoạt động kinh tế cơ bản của đất nước như khai thác, thương mại buôn bán, thuế khoán, thậm chí là những công việc giản đơn trong khi những người được coi là dân bản địa lại chỉ là những người làm nghề nông thuần túy và gắn bó chặt chẽ với khu vực nông thôn (26).

Như vậy, khác với đội ngũ trí thức tôn giáo, tình cảm dân tộc được kích thích bởi các nhân tố từ bên ngoài và nhấn mạnh khía cạnh tôn giáo trong cách giải quyết vấn đề thì với đội ngũ trí thức được đào tạo bởi nền giáo dục Anh, chính tình hình ngày càng khó khăn của cộng đồng Malay và của đất nước đã thúc đẩy ý thức chính trị ở trong họ. Và, mặc dù vẫn xem đạo Hồi là động lực quan trọng đối với người Malay Hồi giáo nhưng họ không xem cải cách tôn giáo là lối thoát duy nhất cho xã hội Malaya. Đối diện với mối hiểm họa từ việc gia tăng nhanh chóng cả về số lượng cư dân lẫn sức mạnh kinh tế của cộng đồng người Hoa nhập cư, nhóm trí thức này buộc phải trở nên thực tế hơn trong các nỗ lực đi tìm nguyên nhân và giải pháp. Họ ngày càng nhận ra rằng, người Anh không hề bảo vệ người Malay với tư cách là người bản địa như Hiệp ước Pangkor và các hiệp ước bảo hộ khác mà người Anh đã kí với từng bang trước đó. Do vậy, *chỉ có nỗ lực của bản thân mới giúp họ tự bảo vệ mình*. Trong bối cảnh đó, giới trí thức quý tộc và tư sản mới cho rằng, *họ cần phải nắm lấy ngọn cờ chính trị ở Malaya, nếu không, sẽ chẳng có gì bảo đảm được vị trí và quyền lợi của họ ở đất nước đang tràn ngập người Hoa này*. Trên thực tế, ngay sau khi chính sách phân quyền (Decentralization), đã có một thỏa thuận giữa các nhà lãnh đạo cộng đồng Malay và chính quyền Anh về việc sẽ bảo đảm tối đa quyền lợi chính trị dành cho người Malay bản địa. Từ sự thỏa thuận đó, năm 1924,

Mohamad Yunos Bin Abdullah đã trở thành người Malay đầu tiên được bầu vào Hội đồng Lập pháp Khu định cư Eo biển (Straits Settlements) (27). Sau 2 năm, chính ông đã đứng ra thành lập tổ chức chính trị đầu tiên của người Malay: *Hiệp hội người Malay ở Singapore*. Các mục tiêu của KMS là khuyến khích sự tiến bộ của người Malay trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội; chủ động bày tỏ quan điểm của người Malay đối với chính quyền và thúc đẩy thanh niên Malay quan tâm hơn đến giáo dục đại học. Họ cũng đòi hỏi thêm rằng trong nền hành chính của đất nước, không một người Hoa nào được đặt vào vị trí cai trị người Malay.

Đáp lại những phản ứng mạnh mẽ từ phía người Malay, cộng đồng người Hoa tại Khu định cư Eo biển cũng lên tiếng bảo vệ quyền lợi của mình. Họ đề nghị xây dựng *"một nước Malaya mới"*, trong đó những công dân không phải người Malay cần phải được đối xử công bằng như người Malay. Ít nhất là vì phần đóng góp của họ đối với nền kinh tế đất nước. Họ cũng vận động một chiến dịch đòi chính quyền Anh phải xóa bỏ *"hàng rào chủng chủng tộc"* trong bộ máy viên chức, đòi chia sẻ một cách rộng rãi hơn cơ cấu việc làm trong chính phủ cũng như trong bộ máy hành chính các cấp. Trước những đề xuất đó, người Malay nhận thấy họ không những đang bị đẩy ra khỏi ngôi nhà của chính mình trên cả phương diện kinh tế lẫn chính trị mà còn có nguy cơ sẽ bị người Hoa thống trị ngay trên chính mảnh đất quê hương mình. Vì vậy, trong những năm 1930, một làn sóng chống người Hoa tiếp tục dâng lên mạnh mẽ trên toàn bán đảo. Năm 1937, các chi nhánh của KMS được thành lập ở Malacca và Penang. Hai năm sau, các hiệp hội người Malay được thành lập ở tất cả các bang có người Malay sinh sống như Pahang, Selangor,

Negri Sembilan, tỉnh Wellesley... Tháng 8-1939, các hiệp hội đã tổ chức Đại hội ở Kuala Lumpur cùng nhau tuyên bố hành động chống lại mọi sự đe dọa của người Hoa đối với quyền và đặc quyền của người Malay. Khẩu hiệu mang tính chất tập hợp người Malay được đưa ra sau đó: "*Nước Malaya thuộc về người Malay*". Khẩu hiệu này khẳng định người Malay là một cộng đồng, một dân tộc, hơn nữa lại là dân tộc bản địa trên đất nước Malaya. Với tư cách đó, người Malay nói chung coi người Hoa và người Ấn là *ngoại kiều*, còn người Malay Hồi giáo thì coi người Hoa chủ yếu theo Phật giáo, Khổng giáo và người Ấn chủ yếu theo Hindu giáo là những kẻ *ngoại đạo*. Như vậy, dù chưa thực sự mâu thuẫn sâu sắc nhưng *tình cảm dân tộc chủ nghĩa của người Malay thời kỳ này chắc chắn đã mang tính sắc tộc*. Những trí thức quý tộc Malay được đào tạo bởi nền giáo dục Anh, những viên chức Malay trong chính quyền thuộc địa vốn thuộc giới quyền uy trong xã hội Malaya truyền thống thay vì hướng phong trào dân tộc đi theo con đường chống thực dân, giành độc lập cho đất nước như một số quốc gia trong khu vực đã và đang tiến hành thì họ lại *hướng phong trào vào mục tiêu chống người Hoa một cách quyết liệt*. Đây chính là đặc điểm tiêu biểu nhất của phong trào dân tộc dưới sự dẫn đường của nhóm thứ hai cho đến trước khi Thế chiến II bùng nổ.

Phong trào dân tộc dưới sự lãnh đạo của nhóm thứ ba cũng được truyền cảm hứng chính trị từ phong trào sinh viên của trường Đại học Azhar (28). Báo chí được truyền về Malaya từ Cairo, đặc biệt là Tạp chí *Seruan Azhar* đã đóng vai trò *chính trị hóa* quan trọng đối với một bộ phận lớn sinh viên và thanh niên Malay trong những năm 1920, truyền đến cho người Malay tinh thần chống chủ nghĩa thực dân mạnh

mẽ thông qua lời kêu gọi đoàn kết, hợp tác của tất cả mọi người dân đấu tranh xóa bỏ hoàn toàn những ảnh hưởng từ bên ngoài, giải phóng đất nước và người dân thoát khỏi gông xiềng của thực dân. Bên cạnh đó, các sinh viên Malay còn bị lôi cuốn bởi lời hiệu triệu "*pan Malay*" của *Seruan Azhar*: "Thanh niên Malay xây dựng một liên minh đoàn kết với Indonesia" nơi không chỉ có phong trào dân tộc đang diễn ra hết sức sôi nổi mà quan trọng hơn Malaya, Indonesia là một "*Thế giới thống nhất*" (29) vì "... cư dân ở Indonesia và cư dân trên bán đảo là một cộng đồng, một dân tộc, với cùng một phong tục tập quán, một lối sống và hơn nữa là cùng theo một tôn giáo..." (30). Khi trở về Malaya, hầu hết các sinh viên đều tham gia vào phong trào dân tộc đang được khởi động bởi đội ngũ sinh viên của *Trường Cao đẳng Sư phạm Sultan Idris* (The Sultan Idris Training College - SITC) ở Tanjong Malim. Cũng tại ngôi trường này, những ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp của phong trào dân tộc chủ nghĩa của người Indonesia đã đưa lại nguồn cảm hứng chính trị mãnh liệt cho các sinh viên Malay. Trong thập niên 1920, ý thức dân tộc của người Malay được đẩy lên một bước bởi tác động của cuộc nổi dậy chống thực dân Hà Lan dưới sự lãnh đạo của *Đảng Cộng sản Indonesia* cho dù cuộc khởi nghĩa do đảng này lãnh đạo bị thất bại và sự ra đời ngay sau đó của *Đảng Dân tộc Indonesia* (PNI) vào năm 1927 lại mang đến một kênh ảnh hưởng khác đối với các trí thức trẻ Malay. Điều mà họ quan tâm không phải con đường vô sản hay dân chủ tư sản mà chính là *lý tưởng giành độc lập* cho đất nước. Bị hấp dẫn bởi các nội dung chống thực dân, chống phong kiến trong chương trình hành động của PNI, một nhóm sinh viên SITC tiêu biểu như Ibrahim Yaacob, Hassan Manan, Abdul

Karim Rashid và Isa Mohd bin Mahmud đã ngã theo lý tưởng của các nhà dân tộc chủ nghĩa Indonesia, tình nguyện gia nhập PNI (31). Hệ quả trực tiếp của những ảnh hưởng chính trị đó đã dẫn đến sự xuất hiện vào năm 1929, 1930 ở SITC ba tổ chức chính trị của sinh viên là *Liên minh Sinh viên* (Ikatan Pemuda Pelajar - Alliance of the Young Student), *Liên minh sinh viên vùng bán đảo và vùng Borneo* (Ikatan Semenanjung-Borneo Alliance of the Peninsula-Borneo) và tổ chức *Thanh niên Malay* (the Belia Malay Youth of Malaya) (32). Cả ba tổ chức đều do một thủ lĩnh sinh viên là Ibrahim Yaacob (33) tổ chức và lãnh đạo.

Thông qua phương tiện báo chí bản địa và diễn đàn văn học, Ibrahim Yaacob và những cộng sự của ông đã thắp lên trong ý thức chính trị của người Malay ngọn lửa bất mãn đối với chính sách cai trị của Anh ở Malaya. Họ cũng tấn công vào tất cả những phần tử thân Anh bằng cách phê phán giới quý tộc truyền thống, bao gồm cả các Sultan và những viên chức Malay đã hợp tác với chính quyền Anh, quay lưng lại với cộng đồng thay vì lãnh đạo cộng đồng tiến lên. Họ đặc biệt nhấn mạnh tình trạng lạc hậu của người Malay chính là hệ quả từ chính sách cai trị thực dân của Anh và vì sự hiện diện của người Hoa. Sự "sói mòn" các quyền của người Malay và địa vị bị đe dọa nghiêm trọng của người bản địa bởi các cộng đồng không phải Malay, nhất là cộng đồng người Hoa là những vấn đề được thảo luận hết sức nghiêm túc. Do vậy, mỗi một người Malay được khuyến khích tự lực phát triển, tự nâng cao kiến thức để cải thiện tình hình của bản thân. Mặt khác, tái thiết xã hội Malaya tiến thuộc địa (tức *thế giới Malay* bao gồm cả Indonesia) được xem là một giải pháp cho những khó khăn hiện tại của đất nước. Với niềm tin mạnh mẽ rằng bán đảo

Malaya là một bộ phận cấu thành của quần đảo Indonesia xét về mặt địa lý, người Malay cùng với người Indonesia đều có chung nguồn gốc Malay xét về mặt nhân chủng học, nhóm sinh viên SITC dưới sự lãnh đạo của Ibrahim Yaacob rất tán thành ý tưởng thống nhất người Malay trên toàn quần đảo (Pan-Malay) và sự thống nhất này sẽ là cơ sở cho một quốc gia độc lập "*Malaya Raya*" hay "*Indonesia Raya*" đã được khởi phát từ các sinh viên Malay và Indonesia ở Đại học Azhar, Ai Cập (34). Qua hoạt động báo chí, họ đã hướng người dân Malay đi theo lý tưởng này bởi họ tin rằng, trong một thực thể văn hóa - chính trị rộng lớn hơn, những người không phải Malay sẽ không còn lấn át được người Malay. Ibrahim Yaacob đã viết như sau: "Rõ ràng là, những người Malay sinh sống trên bán đảo này chưa hiểu hết ý niệm về dân tộc và chủ nghĩa dân tộc. Toàn bộ bán đảo này cũng như quần đảo Indonesia đều thuộc về tổ tiên của chúng ta - người Malay... Bản sắc dân tộc thực sự của chúng ta là *Malay*. Toàn bộ quần đảo Indonesia cũng có chung những phong tục tập quán giống với bán đảo Malay. Vậy cái gì đã khiến chúng ta bị tách biệt? Điều đó thật đơn giản, đó là do số phận đã đặt sự thống nhất của chúng ta dưới ách thống trị của hai thế lực thực dân: Hà Lan ở quần đảo Indonesia và Anh ở Malaya. Nhưng chúng ta không nên nhượng bộ đầu có phải chịu những cơn bão táp, chúng ta cũng không thể bị vạ mưa đầu có phải chịu sự thiêu đốt của mặt trời" (35).

Khuynh hướng chính trị của nhóm trí thức cấp tiến trở nên triệt để hơn sau khi Ibrahim Yaacob và những thành viên trong nhóm quyết định thành lập một tổ chức lấy tên là *Hiệp hội Thanh niên Malay* (Kesatuan Melayu Muda - KMM hay The Union of Malay Youths) ở Kuala Lumpur vào tháng 3-1937. Mục tiêu chính trị công

khai của KMM là *đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, đòi độc lập cho Malaya trong sự thống nhất với Indonesia*. Bên cạnh đó, một mục tiêu không kém phần quan trọng mà KMM đặt ra là phải *"chấm dứt tình trạng người Malay bị các chủng tộc khác lợi dụng và bóc lột"* (36). Sự xuất hiện của trào lưu cấp tiến này đã góp phần làm phong phú thêm phong trào dân tộc chủ nghĩa của người Malay vốn hình thành muộn và không thực sự mạnh mẽ so với một số quốc gia trong khu vực. Trong số ba trào lưu được dẫn dắt bởi ba nhóm ưu tú trong xã hội Malaya thì đường lối đấu tranh của nhóm trí thức cấp tiến Malay mang nhiều quan điểm cách mạng hơn cả. Từ thời điểm này, các quan điểm chính trị khác nhau về tương lai của Malaya trong đội ngũ trí thức trẻ Malay bị chia ra thành hai phái: KMM và các nhóm chính trị cấp tiến của những người thuộc tầng lớp dưới phân cắt với KMS và các nhóm chính trị của giới quý tộc thân Anh. *KMM* có ý nghĩa quan trọng còn bởi một khía cạnh khác, nó được thành lập vì lý tưởng chứ không phải vì sự cần thiết phải có như tổ chức *KMS*. Chính vì lẽ đó nên khi Thế chiến II bùng nổ, hầu hết các tổ chức của người Malay ở các bang đều lần lượt tan rã thì *KMM* lại nhanh chóng có sự điều chỉnh để rồi lựa chọn con đường hợp tác với Nhật, tiếp tục theo đuổi mục tiêu giành độc lập của mình.

### 3. Nhận xét

- Có một sự chia sẻ chung là các phong trào dân tộc của người Indonesia và người Malay đều bắt đầu gần như đồng thời với quá trình can thiệp của thực dân phương Tây vào các giá trị văn hóa-xã hội bản địa. Tuy nhiên, người Indonesia đã có tốc độ trưởng thành về ý thức chính trị và có hoạt động mang tính chính trị sớm hơn, triệt để hơn so với người Malay. Điều này được

cho là phụ thuộc rất lớn vào giới lãnh đạo phong trào. Trong khi lãnh đạo phong trào dân tộc của người Malay cho đến trước năm 1937 chủ yếu là những trí thức thuộc tầng lớp trên thì các nhà lãnh đạo của Indonesia phần lớn là từ tầng lớp trung lưu mới hoặc thậm chí từ nông dân (37). Vì không có sự thay đổi triệt để trong trật tự xã hội ở Malaya nên quần chúng Malay, như trong thời đại cũ, nhìn chung vẫn "vững vàng" theo sau các nhà lãnh đạo cộng đồng. Một khi các nhà lãnh đạo cộng đồng không lựa chọn cách thức phản đối chính quyền, thì người dân Malay cũng rất tin đó là sự lựa chọn sáng suốt. Những vấn đề này hoàn toàn đối lập với Indonesia: trong khi các nhà dân tộc chủ nghĩa của Malaya ra sức bảo vệ cấu trúc xã hội phong kiến thì các nhà dân tộc chủ nghĩa của Indonesia lại tìm mọi cách lãnh đạo quần chúng thoát ra khỏi trật tự xã hội cũ. Mục tiêu giành độc lập cho đất nước được tổ chức *SI* đặt ra từ rất sớm, và luôn là mục tiêu tối cao của tất cả các phong trào diễn ra sau đó dù dưới ảnh hưởng của trào lưu vô sản hay dân chủ tư sản. Trong khi đó, độc lập dân tộc chưa bao giờ là mối quan tâm sâu sắc của người Malay, trừ phong trào đấu tranh của nhóm trí thức cấp tiến Malay bắt đầu từ năm 1937. Tuy nhiên, chủ trương chính trị của nhóm này đã không hấp dẫn được đông đảo người dân Malay với tinh thần truyền thống chỉ chấp nhận cái mà các nhà lãnh đạo cộng đồng chấp nhận.

- Vai trò của tôn giáo-đạo Hồi trong nền chính trị Malaya cũng rất khác so với ở Indonesia. Ở Indonesia, nơi đạo Hồi trở thành cơ sở tập hợp quần chúng đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, đưa đến cho người Indonesia sức mạnh gắn kết xã hội. Ở Malaya, phải thừa nhận rằng Hồi giáo đã là nhân tố mở đường cho chủ nghĩa dân

lợi của người Malay nhưng càng về sau vai trò của nó càng càng mờ nhạt. Lý do trước hết bởi các Sultan Malay không có ý tưởng chống thực dân khi mà quyền lợi của họ liên hệ với quyền lợi của thực dân. Thứ hai, đạo Hồi trong xã hội Malaya truyền thống vốn đã thừa nhận quyền lực chính trị độc lập của mỗi bang, do đó rất khó để tạo cơ sở chung cho tư tưởng đoàn kết của "NDT" Hồi giáo. Cuối cùng và cũng là nguyên nhân quan trọng nhất là do áp lực quá lớn và ngày càng lớn về kinh tế, chính trị từ phía cộng đồng người Hoa nhập cư. Trong hoàn cảnh đó, thái độ chính trị của người Malay đã buộc phải trở nên thụ động hơn trong việc tìm lối thoát.

Tư tưởng "Indonesia Raya"/"Malaya Raya" được đề xuất trước hết bởi những sinh viên Indonesia và Malay ở trường Đại học Azhar căn cứ trên lập luận: cư dân của vùng Đông Ấn thuộc Hà Lan và Malaya thuộc Anh là một dân tộc trên nền tảng cùng nhau chia sẻ một ngôn ngữ và một tôn giáo chung (đạo Hồi), do đó nên chung sống cùng nhau trong một quốc gia duy nhất. Trong khi tư tưởng *Indonesia Raya* được các sinh viên SITC chào đón nồng nhiệt ngay từ những năm 1920 đã đặt ra nhu cầu liên kết với phong trào dân tộc đang hết sức sôi động ở Indonesia để nhân lên sức

mạnh của mình, thì phải đến gần 20 năm sau, khái niệm "Indonesia Raya" mới thực sự phổ biến ở Djakarta. Cách hình dung về nội hàm của khái niệm này rất khác nhau ở mỗi nước. Nếu quan điểm của các sinh viên SITC về "Indonesia Raya"/"Malaya Raya" cơ bản đồng nhất với quan điểm với của các sinh viên ở Ai Cập trên khía cạnh *dân tộc, văn hóa* thì các nhà dân tộc chủ nghĩa ở Indonesia, những người đang chuẩn bị tiến tới nền độc lập, lại nhấn mạnh khía cạnh *lãnh thổ* trong khái niệm (38). Sukarno tán thành đưa Malaya vào lãnh thổ Indonesia trên 3 cơ sở: Thứ nhất, bán đảo Malaya cấu thành nên tổng thể của quần đảo Indonesia; Thứ hai, nhân dân Malaya sẽ tự cảm thấy mình thuộc về dân tộc Indonesia; Thứ ba, an ninh của Indonesia sẽ bị đe dọa nếu không kiểm soát được cả hai phía của eo biển Malacca. Như vậy, theo cách hình dung thứ nhất, khái niệm "Indonesia Raya" nhấn mạnh tư tưởng đoàn kết toàn thể người Malay trên quần đảo để tạo thành sức mạnh trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân. Còn theo cách hình dung thứ hai, khái niệm "Indonesia Raya" lại nhấn mạnh sức mạnh của quốc gia Indonesia độc lập thông qua sự rộng lớn về mặt lãnh thổ với Indonesia là trung tâm của sức mạnh ấy.

## CHÚ THÍCH

(1). Trường Đại học KHXH&NV, Khoa Lịch sử. *Một chặng đường nghiên cứu lịch sử (2001 - 2006)*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2006, tr. 832-851.

(2). Clive J. Christie, *Lịch sử Đông Nam Á hiện đại*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 23.

(3). Xem thêm Nicholas Tarling, *Anglo - Dutch Rivalry in the Malay World, 1780-1824*. Cambridge: Cambridge University Press, 1962.

(4). Tư tưởng mới của Kartini (1879-1904) được phản ánh qua những bức thư in trong *Letters of the Javanese Princess by Raden Adjeng Kartini*, New York, 1920.

(5). Akira Nagazumi, *The Dawn of Indonesian Nationalism*, Tokyo: Institute of Developing Economies, p. 38; và Nicholas Tarling (2004), *Nationalism in Southeast Asia*, Routledge Curzon, Taylor & Francis, 1972, p. 108.

- (6). Thời kì trước Thế chiến II, thuật ngữ "Quần đảo Ấn Độ" được sử dụng để chỉ các khu vực hải đảo của Đông Nam Á. Do đó, Indonesia thuộc Hà Lan còn được gọi là vùng Đông Ấn thuộc Hà Lan (Netherlands East India). Thuật ngữ "Indonesia" chỉ thực sự được dùng một cách phổ biến từ khoảng giữa thập niên 1920 trở đi.
- (7). Dẫn theo Akira Nagazumi, sđd, p. 89.
- (8). Nicholas Tarling, sđd, p.109-110.
- (9). Về hoạt động của tổ chức Muhammadiyah xem thêm Harry Benda, *The Crescent and the Rising Sun: Indonesian Islam under the Japanese Occupation*, The Hague and Bandung: W. van Hoeve, 1958, pp. 54-55.
- (10). D.G.E. Hall, *Lịch sử Đông Nam Á*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 1076.
- (11). Dẫn theo Đỗ Thanh Bình, "Các con đường cứu nước trong đấu tranh giải phóng dân tộc ở một số nước châu Á" in trong Vũ Dương Ninh (ch). *Một số chuyên đề Lịch sử Thế giới*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 504.
- (12). L. Suryadinata, *Interpreting Indonesian Politics*, Singapore: Times-Academic, 1998, p.52.
- (13). Năm 1930, tất cả các tổ chức Jong Java, Jong Sumatra, Jong Celebes... cùng tập hợp trong *Tổ chức Thanh niên Indonesia* (Jong Indonesia hay Young Indonesia). Theo Harry Benda (1958), *Tidd*, pp. 54-55.
- (14). C.L.M. Penders (1974), *The Life and Times of Sukarno*, London: Sidgwick and Jackson, p. 35.
- (15). Sau này Sukarno đã mô hình hóa tư tưởng Marhaenism dưới dạng 5 nguyên tắc *Pancasila*: thống nhất dân tộc, công bằng xã hội, dân chủ, nhân dân và tin ở Thượng đế.
- (16). Đối với người Hà Lan, có lẽ do nhận thấy nhiều ưu điểm của tiếng Malay cùng như tính tiện dụng của nó nên họ đã sử dụng tiếng Malay như là ngôn ngữ hành chính thứ hai; Người Hoa và phần lớn người lai Âu-Á, khoảng từ đầu thế kỉ XX, cũng dùng nó trong hoạt động thương mại; Báo chí bản địa hầu như chỉ sử dụng ngôn ngữ Malay (khoảng 200 tờ báo cho đến năm 1925).
- (17). Clive J. Christie, Tidd, tr. 36.
- (18). Xem Khoo Kay Kim, "Before Pasir Selak", *Journal of the Historical Society*, VII, University of Malaya, 1968/69, pp. 40-52.
- (19). David Joel Steinberg, David P. Chandler, Alexander Woodside, *In Search of Southeast Asia*, 1971, p. 336.
- (20). Những nghiên cứu về chủ nghĩa dân tộc Malaya nhìn chung có hai cách tiếp cận và lý giải: Một là cách phân chia thành 3 giai đoạn phát triển: (i) giai đoạn đấu tranh tôn giáo (1906 - 1926); (ii) giai đoạn đấu tranh vì các mục tiêu kinh tế xã hội (1926 - 1937); (iii) giai đoạn đấu tranh chính trị (1937 - 1948). Hai là cách phân chia theo nhóm các nhà lãnh đạo phong trào là sản phẩm của ba dòng giáo dục khác nhau, đại diện cho ba đường lối đấu tranh. Đây cũng là quan điểm mà tác giả bài viết lựa chọn.
- (21). Xem thêm W. R. Roff, "Indonesian and Malay Students in Cairo in the 1920's." *Indonesia*, No 9, 1970, pp. 73-88.
- (22). David Joel Steinberg, Tidd, p. 325.
- (23). Abdullah T. "What is The Meaning of Freedom?", *Seruan Azhar*, December, 1926.
- (24). Cuộc điều tra dân số năm 1921 cho thấy thành phần dân số ở Malaya (bao gồm cả Singapore) theo chủng tộc như sau (đơn vị: nghìn người): Người Malay: 1.596 (54%), người Hoa: 856 (29,4%), người Ấn 439 (15,1%). Theo Gordon P. Meane (1970), *Malaysian Politics*, University of London Press, p. 12.
- (25). Theo Andaya B. W., Andaya L. i, *History of Malaysia*, Macmilan Press Ltd, London, 1982, p. 252.
- (26). Vào thời điểm năm 1921, chỉ có 10% cư dân thành thị trên toàn bán đảo là người Malay, tương đương với khoảng 4 hoặc 5% tổng số người Malay, người Hoa chiếm đa số áp đảo ở tất cả các

khu đô thị lớn và bố (Theo David Joel Steinberg... (1971) *Tlđđ*, p. 336).

(27). Trước khi được bầu vào Hội đồng Lập pháp Khu định cư Eo biển, Mohamed Yunus Bin Abdullah đã được bổ nhiệm vào Hội đồng thành phố từ năm 1922.

(28). Sinh viên Malay ở Cairo không thực sự đông đảo, chỉ có 27 người vào năm 1925 trên tổng số khoảng 80 sinh viên Malay đến từ trước đó và khoảng 200 sinh viên Indonesia. Hầu hết các sinh viên đều rất háng hái tham gia sinh hoạt trong các nhóm cải cách Hồi giáo hoặc các tổ chức chính trị-xã hội của người Át Cập. Dẫn theo William R. Roff, *The Origins of Malay Nationalism*, Second Edition, Kuala Lumpur: Oxford University Press, 1994. p.88]

(29), (30). Trên trang bìa số 1 của *Seruan Azhar* (tháng 10-1925) được trang trí quả địa cầu, trong đó Đông Nam Á ở vị trí trung tâm và các lãnh thổ Indonesia thuộc Hà Lan và Malaya thuộc Anh bị tô màu đen, dọc theo hình ảnh đó là dòng chữ: "Thế giới thống nhất của nhân dân yêu quý của chúng ta" "The united world of our beloved people". Dẫn theo W. Roff, *Tlđđ*, p.77, 73.

(31). Yong Mun Cheong, "Indonesia Influence on the Development of Malay Nationalism, 1922-38" *Journal of Historical Society*, 1970, pp. 1-11

(32). Ba tổ chức này được cho là bản sao của các tổ chức thanh niên ở Indonesia như Jong Java (Jong tức Young), Jong Sumatra, Jong Celebes...

(33). Ibrahim Yaacob sinh năm 1911 tại Pahang Sau khi học hết giáo dục tiểu học ở một trường làng, ông vào SITC năm 1929. Trong thời gian học tập ở trường, kể cả sau khi tốt nghiệp, ông luôn đóng vai trò là người Thủ lĩnh của các phong trào sinh viên. Năm 1931 sau khi tốt nghiệp, ông làm giáo viên ở Bentong, Pahang trong một thời gian đến năm 1937, ông chuyển sang dạy ở Trường đào tạo cảnh sát (Police Depot School) ở Kuala Lumpur. Từ năm 1939, ông bỏ

nghe dạy học và trở thành nhà báo chuyên nghiệp. Ông viết rất nhiều bài báo cho các báo của người Malay như *Majelis* và *Warta Malaya*... Liên quan đến việc thành lập ba tổ chức sinh viên ở SITC, Ibrahim khẳng định, ông và những sinh viên khác ở SITC chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi *Lời thề của Thanh niên Indonesia* trong Lễ ra mắt *Tổ chức Thanh niên Indonesia* (Jong Indonesia hay Young Indonesia) được đăng trên một tờ báo bằng tiếng Indonesia (*Persatuan Indonesia*) vào năm 1928. Theo Chanh (1974), *Tlđđ*, p.90 và chú thích số 17.

(34). Khái niệm "Indonesia Raya" được người Indonesia sử dụng phổ biến trong khi người Malay lại thích sử dụng khái niệm "Malaya Raya" đều với cùng một ý nghĩa là một quốc gia mở rộng gồm bán đảo Malaya, vùng Borneo, Sumatra, Java và các đảo của Indonesia. Với những người Malay chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ Indonesia như Ibrahim Yaacob lại hay sử dụng khái niệm "Indonesia Raya" hoặc cùng một lúc sử dụng cả hai khái niệm thay thế cho nhau.

(35). Dẫn theo Soda Naoki, "Indigenizing Colonial Knowledge The Formation of Pan-Malay Identity in British Malaya" A Thesis Submitted for the Degree of Doctor, Kyoto University, 2008, pp. 149-150.

(36). William Roff, *Tlđđ*, p. 232.

(37). R.V. Niel, "Development of the Indonesian Elite in the Early Twentieth Century", A Thesis Submitted for the Degree of Doctor, Cornell University, 1954, p. 322.

(38). Điều này được nhìn thấy rõ trong chủ trương của Muhammad Yamin, một trong những người Indonesia nhiệt huyết nhất với đề xuất *Indonesia Raya*: Nhà nước mới nên đồng nhất với Tổ quốc Indonesia mà lãnh thổ của nó đã được xác định từ nhà nước Madjapahit thế kỉ XIV bao gồm Sumatra, Java, Madura, Lesser Sundas, Borneo, Celebes, Moluccas, bán đảo Malaya, Timor và Papua. Dẫn theo Angus McIntyre, *Tlđđ*, p. 81.